

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HƯNG  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST  
Ngày 26-8-2020  
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán  
hàng hóa”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.
2. Ông Nguyễn Minh Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án án nhân dân huyện Tân Hưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa:**

Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Bích L, sinh năm 1988;

(Chủ hộ kinh doanh L)

Địa chỉ: số 71D/05, ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thế N, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 07/3/2020). (Có mặt)

**2. Bị đơn:** Bà Đinh Thị P, sinh năm 1960; (vắng mặt)

(Chủ hộ kinh doanh Đinh Thị P)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trương Văn L, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/5/2020 của nguyên đơn bà Nguyễn Bích L, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho bà L là ông Nguyễn Thế N trình bày:*

Vào ngày 01/6/2019, bà Nguyễn Bích L (Chủ hộ kinh doanh L) có ký “Hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản” số: 16.VL/2019/LS-ĐTP với bà Đinh Thị P (Chủ hộ kinh doanh Đinh Thị P). Quá trình mua bán hai bên đã nhiều lần thực hiện việc đối chiếu và thanh toán công nợ. Đến ngày 08/11/2019, khi công nợ phát sinh lên đến 1.065.600.000 đồng thì bà Đinh Thị P không tiếp tục thanh toán công nợ. Chủ hộ kinh doanh L đã trực tiếp gặp, thông qua điện thoại nhiều lần yêu cầu hộ kinh doanh Đinh Thị P thanh toán công nợ nhưng hộ kinh doanh Đinh Thị P không thực hiện. Ngày 22/12/2019, bà Đinh Thị P lập “Giấy hẹn” sẽ thanh toán toàn bộ tiền vào ngày 27/12/2019. Kể từ đó cho đến nay, bà Đinh Thị P vẫn hẹn không thực hiện đúng như cam kết. Do ông Trương Văn L là chồng của bà Đinh Thị P nên bà Nguyễn Bích L yêu cầu bà Đinh Thị P và ông Trương Văn L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ gốc 1.065.600.000 đồng và tiền lãi tính lãi suất 13,5%/năm từ ngày 08/11/2019 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thế N yêu cầu bà Đinh Thị P và ông Trương Văn L phải liên đới trả cho bà Nguyễn Bích L số tiền nợ gốc 1.065.600.000 đồng và 115.084.800 đồng tiền lãi (tính lãi suất 1.125%/tháng từ ngày 08/11/2019 đến ngày xét xử 26/8/2020 là 9 tháng 18 ngày). Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo quy định pháp luật.

*Bị đơn bà Đinh Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy báo phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà P vắng mặt nhiều lần, không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn L vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2020 ông L thể hiện ý kiến như sau:*

Bà Đinh Thị P là vợ của ông có hợp đồng với bà Nguyễn Bích L (Chủ hộ kinh doanh L) mua bán thức ăn thủy sản để giao cho các hộ dân và hiện còn thiếu bà L số tiền 1.065.600.000 đồng, vì do giá cá thấp nên bà P chưa thu hồi vốn trả cho bà L được. Ông xác định chữ ký và chữ viết của tờ “Giấy hẹn” là của bà P vợ ông. Việc mua bán không liên quan gì đến ông, hiện ông không còn tài sản gì nên ông không đồng ý liên đới với bà P trả nợ cho bà L. Đồng thời, ông L có đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà L thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà P được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không cung cấp chứng cứ cũng như trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án:

Ông Nguyễn Thế N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Bích L yêu cầu bà Đinh Thị P và ông Trương Văn L phải liên đới trả cho bà L số tiền nợ mua bán hàng hóa 1.065.600.000 đồng tiền lãi 115.084.800 đồng tiền lãi (tính lãi suất 1.125%/tháng từ ngày 08/11/2019 đến ngày xét xử 26/8/2020 là 9 tháng 18 ngày) là có cơ sở vì: căn cứ vào “Bản đối chiếu công nợ ngày 30/11/2019” và “Giấy hẹn” ngày 22/12/2019 bà P có ký nhận nợ bà L số tiền 1.065.600.000 đồng và cam kết đến ngày 27/12/2019 trả hết nợ. Đồng thời, hiện nay ông L chồng bà P cũng thừa nhận bà P là vợ ông còn nợ bà L số tiền 1.065.600.000 đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 280, 357, 440 Bộ luật dân sự và Điều 306 Luật thương mại.

Ông Trương Văn L không đồng ý liên đới trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở vì thực tế việc làm ăn mua bán của bà P với bà L trong thời gian bà P chung sống với ông là vợ chồng, việc mua bán kiếm lợi nhuận phục vụ chung trong gia đình. Hơn nữa, ông L biết rõ việc bà P nợ bà L tiền mua bán thức ăn cho cá là 1.065.600.000 đồng. Do đó, ông L phải có nghĩa vụ liên đới với bà P trả nợ theo yêu cầu của bà L là có cơ sở xem xét theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

**1.** Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành theo trình tự thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: bị đơn bà Đinh Thị P, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn L vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

**2.** Về nội dung vụ án:

[1] Bà Nguyễn Bích L (Chủ hộ kinh doanh L) có ký “Hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản” ngày 01/6/2019 với bà Đinh Thị P (Chủ hộ kinh doanh Đinh Thị

P). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ như cung cấp hàng hóa..., bà P cũng thực hiện nghĩa vụ nhận hàng hóa và thanh toán tiền. Đến ngày 08/11/2019, công nợ phát sinh lên đến 1.065.600.000 đồng. Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà P thanh toán công nợ nhưng bà P không thực hiện và ngày 22/12/2019 bà P viết “Giấy hẹn” hứa sẽ thanh toán toàn bộ tiền vào ngày 27/12/2019 nhưng sau đó bà P không trả. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Thế N yêu cầu bà P và ông L phải liên đới trả cho bà L số tiền nợ gốc 1.065.600.000 đồng và tiền lãi 115.084.800 đồng (tính lãi suất 1.125%/tháng từ ngày 08/11/2019 đến ngày xét xử 26/8/2020 là 9 tháng 18 ngày) là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại. Tuy bà P vắng mặt không tham gia vụ án nhưng số nợ này bà P đã ký nhận nợ theo bản “Đôi chiếu công nợ” ngày 30/11/2019 và “Giấy hẹn” ngày 22/12/2019. Hơn nữa, ông L đã thừa nhận hiện còn thiếu bà L số tiền 1.065.600.000 đồng, vì do giá cả thấp nên bà P chưa thu hồi vốn trả cho bà L được. Ông xác định chữ ký và chữ viết của tờ “Giấy hẹn” là của bà P vợ ông. Do đó, bà P và ông L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L tổng số tiền 1.180.684.800 đồng, trong đó nợ gốc 1.065.600.000 đồng và 115.084.800 đồng tiền lãi ( $1.065.600.000 \text{ đồng} \times 1.125\%/\text{tháng} \times 9 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 115.084.800 \text{ đồng}$ ).

[2] Ông L cho rằng: việc mua bán không liên quan gì đến ông, hiện ông không còn tài sản gì nên ông không đồng ý liên đới với bà P trả nợ cho bà L là không có cơ sở vì: theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tại Điều 17 quy định “Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình”, Điều 27 quy định “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của Luật này; Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại điều 37 của Luật này”. Thời điểm bà P ký “Hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản” với bà L ngày 01/6/2019, bà P và ông L đang là vợ chồng, trong thời gian này vợ chồng còn làm ăn kinh doanh mọi quan hệ giao dịch việc làm ăn kinh tế gia đình bà P và ông L đều thực hiện, quyết định. Như vậy, số tiền nợ 1.065.600.000 đồng này phát sinh trong thời gian bà P và ông L còn sống chung với nhau và đang thực hiện việc làm ăn phục vụ gia đình. Cho nên, ông L cho rằng việc mua bán không liên quan gì đến ông, hiện ông không còn tài sản gì nên ông không đồng ý liên đới với bà P trả nợ cho bà L là không có căn cứ. Do đó, ông L phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà P trả nợ cho bà L là phù hợp với các Điều 17, 27 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Nhận định của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Bà Đinh Thị P và ông Trương Văn L phải có nghĩa vụ liên đới chịu 47.420.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông L thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng ông L không có đơn đề nghị miễn, giảm nộp tiền án phí cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Nguyễn Thị Bích L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Bích L 22.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008192 ngày 04/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, 30, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 17, 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ Điều 288, 317, 319, 324, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận theo yêu cầu của bà Nguyễn Bích L đối với số tiền nợ mua bán hàng hóa.

Buộc bà Đinh Thị P và ông Trương Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Bích L tổng số tiền 1.180.684.800 đồng (*Một tỷ, một trăm tám mươi triệu, sáu trăm tám mươi bốn ngàn, tám trăm đồng*) (trong đó 1.065.600.000 đồng nợ gốc và tiền lãi 115.084.800 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

### **2. Về án phí:**

Bà Đinh Thị P và ông Trương Văn L phải liên đới chịu 47.420.500 đồng (*Bốn mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi ngàn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Bích L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Bích L 22.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp theo biên lai số 0008192 ngày 04/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt (bà Đinh Thị P, ông Trương Văn L) thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND Tỉnh/H;
- CQ THA DS;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

(ĐÃ KÝ)

**Huỳnh Thị Cẩm Nhung**